

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HSST

Ngày: 23-3-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Long
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm - Thư ký của Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn: Bà Nguyễn Thị Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2018/HSST ngày 09/02/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ ÁNH T, sinh năm 1981 tại TP. Quy Nhơn; Trú tại: Tổ 14, KV2, phường GR, TP. QN, tỉnh BD; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Võ Thị B; Chồng: Không có, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh ngày 17/11/2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Vợ chồng anh Lê Văn Q, chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 “Có mặt”.
Cùng trú tại: Tổ A, KVB, phường GR, TP. QN, tỉnh BD.
2. Vợ chồng anh Nguyễn Tấn T, chị Hoàng Thị T. Chị T “Có mặt”.
Cùng trú tại: Tổ A, KVB, phường GR, TP. QN, tỉnh BD.
3. Vợ chồng anh Lê Văn V, sinh năm 1992, chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1993. “Có mặt”
Cùng trú tại: Tổ A, KVB, phường GR, TP. QN, tỉnh BD.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Châu Tú V, sinh năm 1972 (Chủ DNTN hiệu vàng MH) “Vắng mặt”. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: phường THĐ, TP. QN, tỉnh BD.

2. Chị Phan Hương T, sinh năm 1971 (Chủ DNTN hiệu vàng HB) “Vắng mặt”.

Địa chỉ: đường LHP, TP. QN, tỉnh BD.

3. Bà Bùi Thị Liên H, sinh năm 1952 (Chủ DNTN hiệu vàng NTP) “Vắng mặt”.

Địa chỉ: đường TBH, TP. QN, tỉnh BD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Biết được quy luật đi lại của những nhà dân ở xung quanh thường đóng cửa đi vắng vào ban ngày, trong các ngày 14/10/2015, 28/3/2017 và 04/10/2017, Nguyễn Thị Ánh T đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 06 giờ ngày 14/10/2015, Nguyễn Thị Ánh T phát hiện nhà ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị H (P. GR, TP. QN) khóa cửa ngoài, biết không có ai ở nhà nên T lấy 01 cây sắt tròn đường kính khoảng 1,5 cm, dài khoảng 50 cm, có 01 đầu nhọn đi ra phía cửa sau nhà ông Q, dùng cây sắt bẩy bung các thanh ngang bằng gỗ của cánh cửa rồi luồn tay mở chốt cửa đột nhập vào trong nhà. Đi đến phòng ngủ của vợ chồng ông Q, T dùng cây sắt bẩy bung chốt khóa cửa phòng rồi đi vào trong phòng ngủ thấy tủ gỗ kê sát tường bị khóa nên tiếp tục dùng cây sắt cạy phá khóa tủ lục lấy trong 01 hộp nhựa màu trắng, hình tròn bên trong có số tiền 30.000.000 đồng gồm 03 cọc tiền có mệnh giá 50.000 đồng, mỗi cọc 10.000.000 đồng và 01 nhẫn vàng 18k, mặt nhẫn hình thoi có hoa văn, trọng lượng 1,2 chỉ; 01 nhẫn vàng 18k, mặt nhẫn có đính 01 hạt màu trắng, trọng lượng 01 chỉ để bên cạnh hộp nhựa. Sau đó, T đem 02 nhẫn đến tiệm vàng “TD” (TP. QN) bán được 2.500.000 đồng. Số tiền có được từ việc bán vàng và số tiền trộm cắp được, T trả nợ và tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 28/3/2017, biết được nhà anh Nguyễn Tấn T, chị Hoàng Thị T (P. GR, TP. QN) không có ai ở nhà, T cầm 01 cây sắt tròn đường kính khoảng 1,5 cm, dài khoảng 40 cm, có 01 đầu nhọn đi ra phía cửa sau nhà anh T, dùng cây sắt bẩy bung các thanh ngang bằng gỗ của cánh cửa rồi luồn tay mở chốt cửa đột nhập vào trong nhà. T vào phòng ngủ của vợ chồng anh T mở tủ lấy 100.000 đồng để trong ống heo bằng nhựa và 4.200.000 đồng để trong ví treo trên cửa sổ trong phòng. Số tiền trộm cắp được T tiêu xài hết.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 04/10/2017, Nguyễn Thị Ánh T phát hiện nhà anh Lê Văn V, chị Võ Thị Thanh T (P. GR, TP. QN) cổng ngoài khép hờ không khóa, cửa chính khóa ngoài bằng 01 ổ khóa nhỏ màu đen, T đẩy cổng, đi vào cầm ổ khóa giật và lắc mạnh nhiều lần làm chốt khuy cửa bị gãy. T đi đến phòng ngủ của vợ chồng anh V thấy cửa phòng đóng bằng chốt ngang không khóa, T mở chốt cửa vào trong thấy 01 tủ gỗ kê sát tường bị khóa nhưng có chìa khóa gắn sẵn trên ổ khóa tủ nên đến mở khóa tủ, dưới đáy tủ có 01 hộp nhỏ bị khóa, T dùng tay giật mạnh 02 cạnh dưới hộp làm bung hộp ra lấy 01 hộp đựng trang sức màu đỏ bên trong có 01 kiềng đeo cổ, 01 cong đeo tay, 01 sợi dây chuyền đều bằng vàng 9999, trọng lượng mỗi loại là 05 chỉ và 01 cong đeo tay vàng 9999, trọng lượng 02 chỉ đem về nhà cất giấu. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T đến tiệm vàng “NTP” (ở TP. QN) bán cho chị Nguyễn Thị Ngọc H 01 cong vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ rồi đổi 04 chỉ vàng loại 02 nhẫn tròn trơn vàng 9999, trọng lượng mỗi nhẫn 02 chỉ và lấy 3.480.000 đồng. Tiếp đó, T đến tiệm vàng MH (đường LL, TP. QN) bán cho anh Nguyễn Châu M 01 sợi dây chuyền có mặt hình trái tim vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ được hơn 15.000.000 đồng và đến tiệm vàng “HB” bán cho chị Nguyễn Thị Thanh H 01 kiềng đeo cổ vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ, 01 lắc tay vàng 9999, trọng lượng 02 chỉ được 22.400.000 đồng. Sau đó T lấy tổng số tiền có được từ việc bán số nữ trang trộm cắp đến tiệm vàng “NTP” hỏi mua 09 chỉ vàng 9999 và bỏ thêm vào 01 chỉ vàng 9999 của cá nhân để mua đủ 10 chỉ vàng 9999 (loại 05 nhẫn tròn trơn vàng 9999, mỗi nhẫn 02 chỉ). Số tiền sau khi mua vàng còn dư, T nhập chung với số tiền 03 triệu đồng của cá nhân rồi chia thành 01 cọc 10.000.000 đồng chôn chử ở nhà, còn khoảng hơn 2.000.000 đồng T cất trong ví cá nhân. Ngày 06/10/2017, Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đã tiến hành khám xét nơi ở của T, thu giữ 07 nhẫn tròn trơn vàng 9999, mỗi nhẫn 02 chỉ, tổng trọng lượng 14 chỉ và 10.000.000 đồng. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ 2.000.000 đồng do T giao nộp. Quá trình điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Ngày 06/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn kết luận: 01 cong bông kiêu rô đề bằng vàng 9999, trọng lượng 02 chỉ trị giá 6.960.000 đồng; 01 cong mo bằng vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ trị giá 17.400.000 đồng; 01 kiềng cổ bằng vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ trị giá 17.400.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ trị giá 17.400.000 đồng; 01 nhẫn tròn vàng 18K, mặt nhẫn hình thoi có hoa văn, trọng lượng 1,2 chỉ trị giá 2.040.000 đồng; 01 nhẫn tròn vàng 18K, mặt nhẫn đính hạt màu trắng, trọng lượng 01 chỉ trị giá 1.700.000 đồng. Tổng trị giá: 62.900.000 đồng (Sáu mươi hai triệu chín trăm ngàn đồng).

Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý vật chứng, trả lại cho bị hại Lê Văn V 07 nhẫn tròn trơn vàng 9999, mỗi nhẫn 02 chỉ, tổng trọng lượng 14 chỉ và số tiền 6.520.000 đồng, còn đang tạm giữ của bị cáo T số tiền 5.480.000 đồng.

Vợ chồng anh Lê Văn V, chị Võ Thị Thanh T tiếp tục yêu cầu bồi thường 3.920.000 đồng. Vợ chồng ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường 33.740.000 đồng, chị Hoàng Thị T yêu cầu bồi thường 4.300.000 đồng. Hiện bị cáo Nguyễn Thị Ánh T vẫn chưa bồi thường cho các bị hại.

Đối với 02 cây sắt Tuyết sử dụng để làm công cụ cạy phá cửa, T đem về để ở nhà nhưng hiện nay không tìm thấy nên không thu giữ được.

- Tại bản cáo trạng số 07/QĐ-KSĐT ngày 03/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố Nguyễn Thị Ánh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Ánh T về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm b, p, l khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh Lê Văn Q, chị Nguyễn Thị H số tiền 33.740.000đ.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn Tấn T, chị Hoàng Thị T số tiền 4.300.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh Lê Văn V, chị Võ Thị Thanh T số tiền 3.920.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Tạm giữ số tiền 5.480.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lợi dụng những người dân ở xung quanh nhà bị cáo đi vắng vào ban ngày, bị cáo Nguyễn Thị Ánh T dùng thanh sắt mang theo cạy phá khóa cửa đột nhập vào bên trong trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài. Với thủ đoạn trên vào ngày 14/10/2015 bị cáo T đã đột nhập vào nhà anh Lê Văn Q, chị Nguyễn Thị H chiếm đoạt 30.000.000 đồng và 02 nhẫn vàng 18k (tổng trị giá 33.740.000 đồng); vào ngày 28/3/2017 T đột nhập vào nhà vợ chồng anh Nguyễn Tấn T, chị Hoàng Thị T chiếm đoạt số tiền 4.300.000 đồng; vào ngày 04/10/2017 T đột nhập vào nhà vợ chồng anh Lê Văn V, chị Võ Thị Thanh T chiếm đoạt 01 hộp đựng trang sức bên trong có 01 kiềng đeo cổ, 01 cong đeo tay, 01 sợi dây chuyền đều bằng vàng 9999, trọng lượng mỗi loại là 05 chỉ và 01 cong đeo tay vàng 9999, trọng lượng 02 chỉ (tổng trị giá 59.160.000 đồng). Bị cáo Nguyễn Thị Ánh T có đầy đủ sức khỏe, năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên biết hành vi “Trộm cắp tài sản” là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo 03 lần trộm cắp tài sản của những người bị hại, tài sản chiếm đoạt có tổng trị giá 97.200.000đ. Do đó, bị cáo Nguyễn Thị Ánh T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Hành vi do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo còn phạm tội nhiều lần đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã khai ra 02 lần phạm tội trước đó nên được xem là người phạm tội tự thú, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 04/10/2017 bị cáo Tuyệt đang có thai, bị cáo đã nộp một số tiền để bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p, o, l khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ”. Tuy nhiên theo tài các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng. Vì vậy, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

- Bị cáo chiếm đoạt của anh vợ chồng anh Lê Văn Q, chị Nguyễn Thị H 30.000.000 đồng và 02 nhẫn vàng 18k (trị giá 3.740.000đ), bị cáo đem hai nhẫn vàng bán được 2.500.000đ, tiền chiếm đoạt được bị cáo tiêu xài hết hiện không thu

hồi được nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng anh Lê Văn Q, chị Nguyễn Thị H số tiền 33.740.000 đồng.

- Bị cáo chiếm đoạt của anh vợ chồng anh Nguyễn Tấn T, chị Hoàng Thị T 4.300.000đ, tiền chiếm đoạt được bị cáo tiêu xài hết hiện không thu hồi được nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn Tấn T, chị Hoàng Thị T số tiền 4.300.000đ.

- Bị cáo chiếm đoạt của anh vợ chồng anh Lê Văn V, chị Võ Thị Thanh T 01 kiềng đeo cổ, 01 cong đeo tay, 01 sợi dây chuyền đều bằng vàng 9999, trọng lượng mỗi loại là 05 chỉ và 01 cong đeo tay vàng 9999, trọng lượng 02 chỉ (tổng cộng 17 chỉ vàng 9999). Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho vợ chồng anh V, chị T 14 chỉ vàng 9999 và số tiền 6.520.000đ. Đây là số tiền và vàng thu hồi từ bị cáo do bị cáo trộm cắp của anh vợ chồng anh V, chị T mà có. Còn lại 03 chỉ vàng 9999 chưa thu hồi (theo định giá 10.440.000đ), nhưng Anh V, chị T đã nhận được 6.520.000đ, còn số tiền 3.920.000đ (10.440.000đ - 6.520.000đ) chưa được bồi thường. Do đó, buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh V, chị T số tiền 3.920.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo số tiền 5.480.000đ. Đây là số tiền của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo đồng ý dùng số tiền này bồi thường cho bị hại nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[9] Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Châu M, chị Nguyễn Thị Thanh H có hành vi mua số nữ trang bằng vàng do T đem đến bán nhưng họ không biết số nữ trang đó là do trộm cắp mà có nên không phạm tội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ánh T phạm tội: "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm b, o, p, l khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ánh T phải bồi thường cho:

- Vợ chồng anh Lê Văn Q, chị Nguyễn Thị H số tiền 33.740.000 đồng.
- Vợ chồng anh Nguyễn Tấn T, chị Hoàng Thị T số tiền 4.300.000 đồng.
- Vợ chồng anh Lê Văn V, chị Võ Thị Thanh T số tiền 3.920.000 đồng.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không trả hoặc trả không đầy đủ thì còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 89, 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tạm giữ số tiền 5.480.000 đồng thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.824.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- CQ THAHS CA Tp. Quy Nhơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Đình Hưng